| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QUẢNG XƯƠNG**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 41/2017/HSST
Ngày: 04/8/2017

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thu Hà.

*Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Văn Lợi.

2. Bà Trịnh Thị Phương .

***- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Bà Nguyễn Thanh Huyền - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện VKSND huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hợp - kiểm sát viên.

Ngày 04/8/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 34/2017/HSST ngày 30/6/2017 đối với các bị cáo:

**1/ Nguyễn Ngọc L,** sinh 1998; Nơi cư trú: thôn 2, xã H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: kinh; tôn giáo: Không: quốc tịch: Việt Nam; văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Ngọc P, sinh 1967, con bà: Lê Thị N, sinh 1968; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ từ ngày 07/4/2017 đến 16/4/2017 chuyển tạm giam. Ngày 18/6/2017 được VKSND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

**2/ Đới Văn N**, sinh 1991; Nơi cư trú: thôn 5, xã H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Đới Văn T, sinh 1964; con bà: Nguyễn Thị T, sinh 1965; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ 07/4/2017 đến 16/4/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

**3/ Đới Văn T1,** sinh 1991; Nơi cư trú: thôn 4, xã H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không: quốc tịch: Việt Nam; văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Đới Văn Đ , sinh 1971; con bà: Ngô Thị H, sinh 1972; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ từ ngày 07/4/2017 đến 16/4/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

**4/ Nguyễn Đức N,** sinh 1983; Nơi cư trú: thôn 5, xã H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không: quốc tịch: việt Nam; văn hóa: 01/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Đức Đ, sinh 1950; con bà: Đới Thị T, sinh 1952; tiền án: Tại bản án HSST số 01 ngày 07/01/2014 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội "Cướp tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/3/2016. Chấp hành xong phần thi hành án dân sự ngày 03/4/2016. Tiền sự: không.

Nhân thân: - Tại bản án HSST số 29 ngày 06/6/2007 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/5/2008. Chấp hành xong phần thi hành án dân sự năm 2008.

- Ngày 11/6/2001 bị Công an xã H, huyện Q xử phạt hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản".

- Ngày 21/10/2003 bị Công an xã H, huyện Q xử phạt hành chính về hành vi "Gây rối trật tự công cộng".

- Ngày 21/3/2005 bị Công an xã H, huyện Q xử phạt hành chính về hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Ngày 15/01/2010 bị Chủ tịch UBND huyện Q ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong quyết định ngày 13/5/2012.

Tạm giữ từ ngày 07/4/2017 đến 16/4/2017 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ - Công an huyện Quảng Xương; Có mặt tại phiên tòa.

**5/ Kiều Văn A,** sinh 1972; Nơi cư trú: thôn 5, xã H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: kinh; tôn giáo: Không: quốc tịch: Việt Nam; văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Kiều Văn O, sinh 1950; con bà: Phan Thị B (đã chết); vợ: Đoàn Thị S, sinh 1979, có 03 con (lớn nhất sinh 1996, nhỏ nhất sinh 2011); Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: - Tại bản án HSST số 01 ngày 23/01/1997 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về các tội "Cố ý gây thương tích" và "Gây rối trật tự công cộng", thời gian thử thách 12 tháng. Chấp hành xong phần thi hành án dân sự năm 2007.

- Tại bản án HSST số 04 ngày 06/3/2000 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tổng hợp hình phạt 06 tháng tù của bản án HSST số 01 ngày 23/01/1997 của TAND huyện Quảng Xương (phạm tội trong thời gian thử thách), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 18 tháng tù. Chấp hành xong phần thi hành án dân sự năm 2007.

- Tại bản án HSST số 12 ngày 19/4/2000 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù về tội "Chống người thi hành công vụ", tổng hợp hình phạt 18 tháng tù của bản án HSST số 04 ngày 06/3/2000 của TAND huyện Quảng Xương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2

bản án là 24 tháng tù. Chấp hành xong phần hình phạt tù ngày 03/12/2001. Chấp hành xong phần thi hành án dân sự năm 2007.

- Tại bản án HSST số 46 ngày 17/3/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Chấp hành xong phần hình phạt tù ngày 29/10/2006. Chấp hành xong phần thi hành án dân sự ngày 30/9/2013.

- Ngày 05/9/2002, bị Đồn biên phòng 122 (đóng tại xã V, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa) xử phạt hành chính 1.000.000đ về hành vi "Gây rối trật tự công cộng" và "Cản trở người thi hành công vụ".

Tạm giữ từ ngày 07/4/2017 đến 16/4/2017 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam - Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt tại phiên tòa.

**6/ Viên Đình H,** sinh 1990; Nơi cư trú: thôn 10, xã H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không: quốc tịch: Việt Nam; văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Viên Đình T, sinh 1967; con bà: Thừa Thị T, sinh 1967; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 07/4/2017 đến 16/4/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**7/ Lê Đình T,** sinh 1978; Nơi cư trú: thôn 5, xã L, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Lê Đình L, sinh 1952; con bà: Hoàng Thị N, sinh 1955; vợ: Trần Thị H - sinh 1984, có 02 con (lớn sinh 2002, nhỏ sinh 2015); Tiền án, tiền sự: không; tạm giữ từ ngày 07/4/2017 đến 16/4/2017 chuyển tạm giam; Ngày 18/6/2017 được VKSND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**8/ Đoàn Công H,** sinh 1982; Nơi cư trú: thôn 9, xã H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không: quốc tịch: Việt Nam; văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Đoàn Công H, sinh 1954; con bà: Nguyễn Thị C, sinh 1956; vợ: Hà Thị H, sinh 1990, có 02 con (lớn sinh 2010, nhỏ sinh 2015); Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 44-QĐ/UBKTHU ngày 06/7/2017 của Ủy ban kiểm tra - Huyện ủy Q, tỉnh Thanh Hóa; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ từ ngày 07/4/2017 đến 16/4/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**9/ Đới Văn T2,** sinh 1985; Nơi cư trú: thôn 5, xã H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không: quốc tịch: Việt Nam; văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Đới Văn V, sinh 1947; con bà: Nguyễn Thị H, sinh 1940; vợ: Hoàng Thị O , sinh 1992, có 02 con (lớn sinh 2016, nhỏ sinh 2017); tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ từ ngày 07/4/2017 đến 16/4/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

## NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 23h30’ ngày 06/4/2017, Đoàn Công H, Kiều Văn A, Đới Văn T1, Viên Đình H, Đới Văn N, Đới Văn T2, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Đức N và Lê Đình T cùng ngồi uống nước tại quán nhà Kiều Văn A (ở thôn 5, xã H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa). Trong lúc uống nước, Nguyễn Ngọc L nói “Chả mấy khi anh em mới tập trung đông đủ, ta làm vài ván xóc đĩa cho vui”. Nghe vậy, có nhiều người (không xác định được ai) hỏi lại “Đánh ở đâu được” thì Đới Văn N nói “Nhà tôi có hai ông bà già yếu ngủ trên nhà, còn nhà bếp ở dưới ta về đấy chơi cũng được”, tất cả đều đồng ý. Sau đó, N dẫn mọi người đi bộ đến nhà ông Đới Văn H (ở thôn 4, xã H, huyện Q) là nhà bác họ N rồi đưa mọi người vào gian bếp, lấy chiếu ăn cơm dựng trong bếp trải ra cho mọi người ngồi. Đới Văn T1 đi cắt 04 quân vị từ vỏ bao thuốc lá Vinataba và lấy 01 bộ bát đĩa ăn cơm nhà ông H ra đặt xuống chiếu. Sau đó, cả bọn gồm Đoàn Công H, Kiều Văn A, Đới Văn T1, Viên Đình H, Đới Văn N, Đới Văn T2, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Đức N và Lê Đình T cùng ngồi xuống chiếu tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa. Đới Văn T1 là người cầm cái đầu tiên xóc đĩa cho mọi người cùng chơi và trực tiếp tham gia đặt tiền đánh bạc. Khi chơi, cả bọn tự thống nhất đặt cửa đánh bạc thấp nhất là 10.000đ.

Cả nhóm đánh đến 1h15’ ngày 07/4/2017 thì bị tổ tuần tra kiểm soát Công an huyện Quảng Xương phối hợp với Công an xã H bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật trên chiếu bạc gồm 7.560.000đ, 04 quân vị hình tròn đường kính 01cm, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, rồi đưa các đối tượng về trụ sở Công an huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Hình thức đánh bạc ăn tiền dưới hình thức xóc đĩa là dùng 01 bộ bát đĩa bên trong để 04 quân vị được cắt từ vỏ bao thuốc lá Vitanata, mỗi quân vị có 2 mặt khác mầu nhau, một người cầm cái xóc, những người còn lại tham gia đặt cửa chẵn hoặc lẻ. Cách tính chẵn là có 02 hay 04 quân vị cùng mầu, cách tính lẻ là có 01 hay 03 quân vị cùng mầu. Khi mở bát, nếu ván đó là chẵn thì người đặt cửa chẵn thắng số tiền đã đặt cược ván đó, người cầm cái lấy tiền của người đặt cửa lẻ chuyển cho người đặt cửa chẵn bằng số tiền họ đặt, nếu thiếu thì người xóc cái bù vào, nếu thừa người xóc cái được hưởng. Nếu ván xóc đó là lẻ thì cách ăn tiền ngược lại và cứ như vậy chơi hết ván này đến ván khác.

Khi tham gia đánh bạc:

- Bị cáo Đới Văn T1 mang theo 980.000đ, bỏ ra hết để đánh bạc, khi bị bắt dưới chiếu có 780.000đ, thua 200.000đ.

- Bị cáo Viên Đình H mang theo 950.000đ, bỏ ra  hết để đánh bạc, khi bị bắt dưới chiếu có 880.000đ, thua 70.000đ.

- Bị cáo Nguyễn Đức N mang theo 880.000đ, bỏ ra hết để đánh bạc, khi bị bắt dưới chiếu có 850.000đ, thua 30.000đ.

- Bị cáo Lê Đình T mang theo 820.000đ, bỏ ra hết để đánh bạc, khi bị bắt dưới chiếu có 1.050.000đ, thắng 230.000đ.

- Bị cáo Đoàn Công H mang theo 800.000đ bỏ ra hết để đánh bạc, khi bị bắt dưới chiếu có 970.000đ, thắng 170.000đ.

- Bị cáo Đới Văn T2 mang theo 800.000đ bỏ ra hết để đánh bạc, khi bị bắt dưới chiếu có 860.000đ, thắng 60.0000đ.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc L mang theo 800.000đ bỏ ra hết để đánh bạc, khi bị bắt dưới chiếu có 800.000đ, không thắng cũng không thua.

- Bị cáo Đới Văn N mang theo 780.000đ bỏ ra hết để đánh bạc, khi bị bắt dưới chiếu có 720.000đ, thua 60.000đ.

- Bị cáo Kiều Văn A mang theo 750.000đ bỏ ra hết để đánh bạc, khi bị bắt dưới chiếu có 650.000đ, thua 100.000đ.

Đối với vợ chồng ông Đới Văn H, bà Mai Thị T là chủ nhà nơi các bị cáo dùng làm địa điểm đánh bạc. Quá trình điều tra xác định khi các bị cáo đánh bạc ăn tiền dưới bếp nhà mình, ông H bà T hoàn toàn không biết và không được hưởng lợi gì. Do đó, không đủ cơ sở xử lý đối với ông H bà T.

Tại bản Cáo trạng số 40/CT-KSĐT ngày 26/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo: Nguyễn Ngọc L, Đới Văn N, Đới Văn T1, Đoàn Công H, Kiều Văn A, Đới Văn T2, Viên Đình H, Nguyễn Đức N, Lê Đình T về tội "Đánh bạc" theo Khoản 1 Điều 248 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như nội dung cáo trạng và đề nghị HĐXX:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS.

Xử phạt: + Bị cáo Nguyễn Ngọc L từ 06 đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Bị cáo Đới Văn N từ 05 đến 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Bị cáo Đới Văn T1 từ 05 đến 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 BLHS.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Đức N từ 05 đến 07 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/4/2017.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Kiều Văn A từ 04 đến 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/4/2017.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 31 BLHS.

Xử phạt: các bị cáo Viên Đình H, Lê Đình T mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam quy đổi thành thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo vì không có thu nhập ổn định.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 30 BLHS.

Xử phạt: các bị cáo Đoàn Công H, Đới Văn T2 mỗi bị cáo từ 6.000.000đ đến 8.000.000đ.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 248 BLHS, phạt các bị cáo Đới Văn N, Kiều Văn A, Viên Đình H, Nguyễn Đức N, Lê Đình T mỗi bị cáo từ 3.000.000đ đến 4.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Ngọc L, Đới Văn T1 có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo, nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các bị cáo Đới Văn T2, Đoàn Công H áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về tang vật: Áp dụng Điều 41 BLHS; Điều 76 BLTTHS, tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 7.560.000đ (là tiền các bị cáo đánh bạc); tịch thu tiêu huỷ 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn kích thước 01cm là công cụ phương tiện phạm tội vì không còn giá trị sử dụng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, các bị cáo .

## XÉT THẤY

Tại phiên toà, các bị cáo khai nhận: vào khoảng 23h30’ ngày 06/4/2017, khi các bị cáo đang ngồi chơi uống nước tại quán nhà Kiều Văn A thì bị cáo Nguyễn Ngọc L khởi xướng việc đánh bạc, các bị cáo đều đồng ý. Bị cáo Viên Đình N dẫn các bị cáo đến nhà ông Đới Văn H (ở thôn 5, xã H, huyện Q) là nhà bác họ N làm địa điểm đánh bạc. Do vợ chồng ông H già yếu, ở nhà trên nên N dẫn mọi người xuống gian bếp gia đình ông H đánh bạc. Đến nơi, N lấy chiếu ăn cơm dựng trong bếp trải ra cho mọi người ngồi, bị cáo Đới Văn T1 đi cắt 04 quân vị từ vỏ bao thuốc lá Vinataba và lấy 01 bộ bát đĩa ăn cơm trong bếp nhà ông H ra đặt xuống chiếu. Sau đó cả bọn cùng ngồi xuống chiếu tham gia đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa. Đới Văn T1 là người cầm cái đầu tiên xóc đĩa cho mọi người cùng chơi và trực tiếp tham gia đặt tiền đánh bạc. Khi chơi, cả bọn tự thống nhất đặt cửa đánh bạc thấp nhất là 10.000đ. Các bị cáo đánh đến 1h15’ ngày 07/4/2017 thì bị tổ tuần tra kiểm soát Công an

huyện Quảng Xương phối hợp với Công an xã H, huyện Q bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật trên chiếu bạc gồm 7.560.000đ, 04 quân vị hình tròn đường kính 01cm, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ.

Số tiền thu giữ tại chiếu bạc các bị cáo đều thừa nhận là tiền của các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả xét hỏi tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo đã phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS như cáo trạng của VKSND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội, không có ý kiến tự bào chữa và tranh luận. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Xét tính chất vụ án: Các bị cáo đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh xóc đĩa có tính chất sát phạt nhau được thua bằng tiền là hành vi vi phạm pháp luật. Số tiền thu được trực tiếp tại chiếu bạc là 7.560.000đ là tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung đối với số tiền đánh bạc là 7.560.000đ. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội bị pháp luật nghiêm cấm, là nguyên nhân dẫn đến nhiều tệ nạn xã hội khác. Nhận thức được điều đó nhưng do ham chơi, vụ lợi, các bị cáo đã rủ nhau đánh bạc, sát phạt để thu lời bất chính của nhau.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm tới trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, nếp sống văn hóa văn minh, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, do đó cần phải được xử lý nghiêm minh để giáo dục và phòng ngừa chung.

- Xét vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, khi có người khởi xướng các bị cáo đều đồng ý và thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền. Bị cáo Nguyễn Ngọc L là người khởi xướng, đồng thời trực tiếp tham gia đánh bạc nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án và phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo Đới Văn N là người tìm địa điểm đánh bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc, bị cáo Đới Văn T1 chuẩn bị công cụ đánh bạc, xóc cái đầu tiên và trực tiếp tham gia đánh bạc nên giữ vai trò ngang nhau và sau bị cáo L. Các bị cáo Kiều Văn A, Nguyễn Đức N, Đoàn Công H, Đới Văn T2, Viên Đình H, Lê Đình T là những người trực tiếp tham gia đánh bạc nên có vai trò ngang nhau và đứng sau bị cáo N và T2. Song khi lượng hình cần xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo để cá thể hoá hình phạt cho phù hợp.

- Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

+ Bị cáo Nguyễn Đức N ngày 07/01/2014 bị TAND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội "Cướp tài sản", chưa được xóa án

tích. Vì vậy, lần phạm tội này là tái phạm, phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại Điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng.

+ Các bị cáo đều có chung tình tiết giảm nhẹ là "thành khẩn khai báo", (tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS).

Các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Đới Văn N, Đới Văn T1, Đoàn Công H, Đới Văn T2, Viên Đình H, Lê Đình T có chung tình tiết giảm nhẹ là "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" (tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS).

Các bị cáo đều có đơn trình bày sự ăn năn hối hận và được chính quyền địa phương xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bản thân là lao động chính; Bị cáo Đới Văn N, Viên Đình H có thời gian tham gia phục vụ trong quân đội; Bị cáo Kiều Văn A có bố đẻ là Kiều Văn O là thương binh loại A, tỷ lệ thương tật 81%; Bị cáo Đới Văn T2 có bố mẹ tham gia kháng chiến, mẹ bị cáo tham gia thanh niên xung phong, bố bị cáo được tặng thưởng "Huân chương chiến sỹ giải phóng" và "Huy chương kháng chiến hạng nhất" trong công cuộc chống Mỹ cứu nước; Bị cáo Lê Đình T có bố mẹ tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng "Huy chương kháng chiến hạng nhì" và "Bằng khen của UBND tỉnh Thanh Hóa". Đây được xem là các tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS xem xét áp dụng đối với các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với từng bị cáo, hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Nguyễn Đức N và Kiều Văn A có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xét xử và bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, chứng tỏ các bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện. Bị cáo Nguyễn Đức N phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm. Vì vậy, cần xét xử nghiêm minh, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội để giáo dục cải tạo và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, nhận thức được hành vi sai phạm của mình, quyết tâm sữa chữa lỗi lầm, nên xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành người công dân tốt.

Bị cáo Kiều Văn A do có nhân thân xấu nên đã bị áp dụng biện pháp tạm giam để đảm bảo cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Thời gian bị cáo bị tạm giam tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 03 tháng 29 ngày. Xét thấy, bị cáo giữ vai trò thứ yếu trong vụ án, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, số tiền bị cáo tham gia đánh bạc không lớn nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam là phù hợp. Hiện nay, bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác, nên cần áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Các bị cáo còn lại phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không phải là các đối tượng đánh bạc chuyên nghiệp, số tiền các bị cáo đánh bạc

không lớn. Sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận với hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định của BLHS; nhân thân không có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng ổn định; ngoài lần phạm tội này không có vi phạm gì khác, luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú. Xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù cũng không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm chung. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo Nguyễn Ngọc L, Đới Văn N, Đới Văn T1 được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương; bị cáo Lê Đình T, Viên Đình H cải tạo không giam giữ, dưới sự giám sát giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương; bị cáo Đoàn Công H, Đới Văn T2 áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ sức giáo dục đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Bị cáo Lê Đình T, Viên Đình H không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Đối với các bị cáo được hưởng án treo thì ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật (Hướng dẫn của NQ số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của HĐTP - TAND Tối cao).

Đối với bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ thì thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 BLHS.

Các bị cáo tham gia đánh bạc với mục đích sát phạt, thu lợi bất chính của nhau, bản thân có khả năng lao động... Vì vậy, ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Đới Văn N, Kiều Văn A, Nguyễn Đức N, Viên Đình H, Lê Đình T một khoản tiền nhất định để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Ngọc L, Đới Văn T có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo, nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Bị cáo Đới Văn T, Đoàn Công H áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về tang vật: **S**ố tiền 7.560.000đ (là tiền các bị cáo đánh bạc) cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn kích thước 01cm là công cụ phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: các bị cáo Đới Văn N, Đoàn Công H, Kiều Văn A, Đới Văn T2, Viên Đình H, Nguyễn Đức N, Lê Đình T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Ngọc L, Đới Văn T1 thuộc diện hộ cận nghèo, các bị cáo đều có đơn đề nghị được miễn nộp tiền án phí nên chấp nhận miễn nộp tiền án phí cho các bị cáo.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Đới Văn N, Đới Văn T1, Nguyễn Đức N, Kiều Văn A, Đới Văn T2, Lê Đình T, Viên Đình H, Đoàn Công H phạm tội "*Đánh bạc"*.

Áp dụng**:** Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS.

Xử phạt: - Bị cáo Nguyễn Ngọc L 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/8/2017).

- Bị cáo Đới văn N 05 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/8/2017).

- Bị cáo Đới Văn T1 05 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/8/2017).

Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức N 05 (năm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/4/2017.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 BLHS. Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Kiều Văn A 03 (ba) tháng 29 (hai mươi chín) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/4/2017.

Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Hiện bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác. Quyết định trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 31 BLHS.

Xử phạt: - Bị cáo Viên Đình H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày tạm giữ quy đổi thành 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Lê Đình T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 02 tháng 12 ngày tạm giữ, tạm giam quy đổi thành 07 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 04 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo do không có thu nhập ổn định.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 30 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Công H, Đới Văn T2 mỗi bị cáo 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Các bị cáo phải nộp tiền 01 lần, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo Viên Đình H được tính từ ngày UBND xã H, huyện Q nhận được hồ sơ thi hành án của Cơ quan thi hành án hình sự.

Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo Lê Đình T được tính từ ngày UBND xã L, huyện Q nhận được hồ sơ thi hành án của Cơ quan thi hành án hình sự.

Giao các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Đới Văn N, Đới Văn T1, Viên Đình H cho UBND xã H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách và cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lê Đình T cho UBND xã L, huyện Q giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Đới Văn N, Đới Văn T1 thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung**:** áp dụng khoản 3 Điều 248 BLHS.

- Phạt các bị cáo Đới Văn N, Nguyễn Đức N, Kiều Văn A, Lê Đình T, Viên Đình H mỗi bị cáo 3.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Đới Văn T1 do có hoàn cảnh kinh tế khó khăn (thuộc diện hộ cận nghèo).

Bị cáo Đoàn Công H, Đới Văn T2 bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Các bị cáo nộp tiền phạt bổ sung 01 lần, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng: Điểm a, b khoản 1 Điều 41 BLHS; khoản 1, Điểm a, c khoản 2 Điều 76; khoản 1, 2 Điều 99; Điều 231; Điều 234 BLTTHS; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Về vật chứng: - Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 7.560.000đ (bảy triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng) là tiền các bị cáo đánh bạc.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn kích thước 01cm là các công cụ phương tiện phạm tội.

Các vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/6/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Quảng Xương với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương.

Về án phí: các bị cáo Đới Văn N, Đới Văn T2, Nguyễn Đức N, Kiều Văn A, Viên Đình H, Lê Đình T, Đoàn Công H mỗi người phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Ngọc L, Đới Văn T1.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, Cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, nếu các bị cáo chưa thi hành các khoản tiền phải thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 - Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 - Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Công an huyện Quảng Xương;
- Chi cục THA huyện Quảng Xương;
- Các bị cáo.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Thu Hà**